

**QUY ĐỊNH**

**Nội dung chi, mức chi và thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng khi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 403/2021/NQ-HĐND ngày 09/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi và thời gian được hưởng chế độ bồi dưỡng khi phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**2. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bầu cử từ nguồn ngân sách nhà nước.

**Điều 2. Quy định chung**

1. Các cơ quan, đơn vị được giao kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; tuân thủ chế độ, định mức tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tiếp tục sử dụng các phương tiện, thiết bị đã được trang bị để phục vụ bầu cử; đồng thời, huy động các phương tiện sẵn có để phục vụ cho nhiệm vụ bầu cử đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước.

3. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất, hỗ trợ cao nhất; danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo Quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các nội dung khác không được thể hiện trong quy định này thực hiện theo Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 và các văn bản có hiệu lực liên quan.

**Điều 3. Nội dung và mức chi**

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi tổ chức hội nghị	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 142/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định chế độ công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.			
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp				
a	Các cuộc họp của Ủy ban bầu cử, Ban Chỉ đạo bầu cử, các Tiểu ban giúp việc của Ủy ban bầu cử:				
	- Chủ trì	đồng/người/buổi	200.000	180.000	150.000
	- Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	100.000	100.000	100.000
	- Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000
b	Chi bồi dưỡng các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:				
	- Chủ trì	đồng/người/buổi	150.000	120.000	100.000
	- Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	80.000	80.000	80.000
	- Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000
3	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử				
	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành từ nguồn kinh phí bầu cử, các đoàn công tác được chi như sau:				
a	Trưởng đoàn giám sát	đồng/người/buổi	200.000	180.000	150.000
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng/người/buổi	100.000	100.000	100.000
c	Cán bộ, công chức viên chức phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	đồng/người/buổi	80.000	80.000	80.000
d	Cán bộ, công chức viên chức phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000
đ	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát của từng đoàn giám sát (văn bản hoàn chỉnh)	đồng/báo cáo	500.000	400.000	300.000
4	Chi xây dựng văn bản				
	- Chi công tác soạn thảo các văn bản liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi áp dụng trên địa bàn (tỉnh hoặc huyện hoặc xã), gồm: kế hoạch, văn	đồng/văn bản	2.000.000	1.500.000	1.000.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	bản chuyên môn hướng dẫn công tác bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử (văn bản hoàn chỉnh)				
	- Văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác bầu cử (văn bản hoàn chỉnh)	Thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 112/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Tỉnh ngày 14/7/2017 về mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.			
5	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:				
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau:				
	- Trưởng Ban chỉ đạo, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch; Trưởng các Tiểu ban, Tổ trưởng Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	2.200.000	2.000.000	1.800.000
	- Thành viên Ban Chỉ đạo, thành viên Ủy ban bầu cử; Phó Trưởng các Tiểu ban, Tổ Phó tổ giúp việc; Kế toán trưởng của Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	2.000.000	1.800.000	1.600.000
	Thành viên các Tiểu ban, Thành viên Tổ giúp việc; kế toán, thủ quỹ giúp việc cho Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	1.800.000	1.600.000	1.400.000
b	Chi bồi dưỡng cho các đối tượng được trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (cụ thể đối tượng được huy động, trưng tập theo danh sách phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền); không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát, phục vụ trực tiếp dân (thời gian hưởng chế độ không quá 15 ngày)	đồng/người/ngày	100.000	100.000	100.000
	Trưởng hợp thời gian huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày, trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trưng tập	đồng/người/tháng	1.500.000	1.500.000	1.500.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	được cấp có thẩm quyền phê duyệt				
c	Chi bồi dưỡng 02 ngày cao điểm phục vụ công tác bầu cử (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử), áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản cấp có thẩm quyền phê duyệt.	đồng/người/ngày	150.000	150.000	150.000
6	Chi khoản hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
	Thành viên Ban Chỉ đạo bầu cử, Thành viên Ủy ban bầu cử, Thường trực các Tiểu ban giúp việc cho Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	400.000	400.000	400.000
	Thành viên các Tiểu ban, thành viên Tổ giúp việc, Kế toán giúp việc cho Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	300.000	300.000	300.000
7	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử				
	- Người được giao trực tiếp tiếp công dân	đồng/người/buổi	80.000	80.000	80.000
	- Người phục vụ trực tiếp người tiếp công dân	đồng/người/buổi	60.000	60.000	60.000
	- Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000
8	Chi đóng hòm phiếu				
	Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi không quá	đồng/hòm phiếu	350.000		
9	Chi khắc dấu				
	Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa	đồng/dấu	250.000		
10	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử				

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa	đồng/bảng		1.500.000	1.500.000
11	<b>Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử của cơ quan Thường trực Ủy ban bầu cử</b>	Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật hiện hành.			
12	<b>Chi công tác tuyên truyền, in ấn, ấn phẩm phục vụ bầu cử</b>	Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.			
13	<b>Chi khác</b>	Trường hợp chi phí phát sinh ngoài quy định tại Nghị quyết thì thanh toán theo quy định hiện hành.			
a	Chi hỗ trợ cho việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi công tác và nơi cư trú đối với người ứng cử thực hiện theo mức khoán:				
	- Hỗ trợ cho việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi công tác đối với người ứng cử	Thực hiện theo quy định hiện hành			
	- Hỗ trợ cho việc tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi cư trú đối với người ứng cử thực hiện theo mức khoán	đồng/điểm	1.000.000		
b	Chi văn phòng phẩm và trang trí phòng bỏ phiếu	đồng/tổ	2.000.000		
c	Chi cho công tác tuyên truyền của hai cấp huyện, xã	đồng/xã, phường, thị trấn	2.000.000		
d	Chi phí vận chuyển phiếu, văn phòng phẩm, điện, nước, thông tin liên lạc, chi khác ngoài các quy định trên	đồng/huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn		40.000.000	10.000.000
đ	Chi cho các hoạt động vận động bầu cử				
	- Chi hỗ trợ cho mỗi điểm tiếp xúc cử tri để vận động bầu cử (trang trí, nước uống)	đồng/điểm	1.200.000	700.000	500.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	- Chi cho CBCC phục vụ	đồng/người/điểm	60.000	50.000	40.000
e	Chi tiếp các Đoàn kiểm tra của Trung ương về công tác bầu cử	Thực hiện theo Nghị quyết số 248/2019/NQ-HĐND ngày 16/07/2019 của HĐND Tỉnh về Ban hành quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, mức chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp			
g	Chi khen thưởng	Thực hiện theo quy định khen thưởng hiện hành			

#### **Điều 4. Thời gian được hưởng hỗ trợ**

1. Thời gian hưởng các chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng khi phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời điểm Quyết định thành lập Ủy ban bầu cử và các Tiểu ban, Tổ giúp việc của Ủy ban bầu cử và các quyết định của cấp có thẩm quyền có hiệu lực đến khi Ủy ban bầu cử kết thúc nhiệm vụ.

2. Đối với khối lượng công việc triển khai thực hiện trước khi quy định tại Nghị quyết này có hiệu lực, thực hiện quyết toán theo chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ được cấp có thẩm quyền phê duyệt để quyết toán kinh phí theo quy định.

**Điều 5.** Kinh phí phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 do ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương đảm bảo./.